

Số: 1049BC-STP  
Kết quả thực hiện Đề án 06  
tháng 8/2024

Hung Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Tổ công tác Đề án 06 tỉnh (Công an tỉnh)

Thực hiện Công văn số 20/TCTĐA06 ngày 06/4/2024 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh về việc triển khai một số nội dung thúc đẩy thực hiện Đề án 06 và chế độ thống kê, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06; căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực thực hiện Đề án 06 tháng 8/2024 (13/7/2024 - 12/8/2024) cụ thể như sau:

| STT | Dịch vụ công trực tuyến | Kết nối với Cổng DVCQG (đã kết nối, chưa kết nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |           |                                                                         |                                                                         | Tỷ lệ trực tuyến trên tổng số (%) | Tình hình xử lý hồ sơ (gồm trực tiếp và trực tuyến) |         | Khó khăn, vướng mắc |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|---------------------|
|     |                         |                                                   | Tổng số                 | Trực tiếp | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) |                                   | Đúng hạn                                            | Quá hạn |                     |
| 1   | 2                       |                                                   | 3 = (4+5+6)             | 4         | 5                                                                       | 6                                                                       | 7                                 | 8                                                   | 9       | 10                  |
| I   | Đăng ký khai sinh       | Đã kết nối                                        |                         |           |                                                                         |                                                                         |                                   |                                                     |         |                     |
| 1   | UBND huyện Văn Giang    |                                                   | 173                     | 0         | 157                                                                     | 16                                                                      | 91                                | 176                                                 | 0       |                     |
| 2   | UBND Thị xã Mỹ Hào      |                                                   | 153                     | 0         | 41                                                                      | 112                                                                     | 27                                | 153                                                 | 0       |                     |
| 3   | UBND Huyện Khoái Châu   |                                                   | 210                     | 0         | 155                                                                     | 55                                                                      | 74                                | 210                                                 | 0       |                     |
| 4   | UBND Huyện Kim Động     |                                                   | 243                     | 0         | 143                                                                     | 100                                                                     | 59                                | 143                                                 | 0       |                     |
| 5   | UBND Thành phố Hưng Yên |                                                   | 182                     | 0         | 127                                                                     | 55                                                                      | 70                                | 189                                                 | 0       |                     |
| 6   | UBND Huyện Tiên Lữ      |                                                   | 146                     | 11        | 122                                                                     | 13                                                                      | 84                                | 134                                                 | 1       |                     |
| 7   | UBND Huyện Yên Mỹ       |                                                   | 249                     | 15        | 226                                                                     | 8                                                                       | 91                                | 242                                                 | 7       |                     |
| 8   | UBND Huyện Ân Thi       |                                                   | 292                     | 0         | 239                                                                     | 53                                                                      | 82                                | 292                                                 | 0       |                     |
| 9   | UBND Huyện Phù Cừ       |                                                   | 131                     | 0         | 104                                                                     | 27                                                                      | 79                                | 0                                                   | 0       |                     |
| 10  | UBND huyện Văn Lâm      |                                                   | 161                     | 9         | 49                                                                      | 103                                                                     | 30                                | 161                                                 | 0       |                     |
| II  | Đăng ký khai tử         | Đã kết nối                                        |                         |           |                                                                         |                                                                         |                                   |                                                     |         |                     |

| STT | Dịch vụ công trực tuyến | Kết nối với Cổng DVCQG (đã kết nối, chưa kết nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |           |                                                                         |                                                                         |     | Tình hình xử lý hồ sơ (gồm trực tiếp và trực tuyến) |         | Khó khăn, vướng mắc |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------------|---------|---------------------|
|     |                         |                                                   | Tổng số                 | Trực tiếp | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) |     | Đúng hạn                                            | Quá hạn |                     |
| 1   | UBND Huyện Tiên Lữ      |                                                   | 63                      | 10        | 42                                                                      | 11                                                                      | 67  | 53                                                  | 0       |                     |
| 2   | UBND Huyện Yên Mỹ       |                                                   | 59                      | 9         | 50                                                                      | 0                                                                       | 85  | 59                                                  | 0       |                     |
| 3   | UBND Huyện Kim Động     |                                                   | 85                      | 0         | 69                                                                      | 16                                                                      | 81  | 0                                                   | 0       |                     |
| 4   | UBND Huyện Ân Thi       |                                                   | 99                      | 0         | 90                                                                      | 9                                                                       | 91  | 99                                                  | 0       |                     |
| 5   | UBND Thành phố Hưng Yên |                                                   | 46                      | 0         | 32                                                                      | 14                                                                      | 70  | 58                                                  | 0       |                     |
| 6   | UBND Huyện Khoái Châu   |                                                   | 76                      | 0         | 61                                                                      | 15                                                                      | 80  | 76                                                  | 0       |                     |
| 7   | UBND Thị xã Mỹ Hào      |                                                   | 67                      | 0         | 41                                                                      | 26                                                                      | 61  | 67                                                  | 0       |                     |
| 8   | UBND Huyện Phù Cù       |                                                   | 49                      | 0         | 49                                                                      | 0                                                                       | 100 | 0                                                   | 0       |                     |
| 9   | UBND Huyện Văn Lâm      |                                                   | 54                      | 5         | 41                                                                      | 8                                                                       | 76  | 54                                                  | 0       |                     |
| 10  | UBND Huyện Văn Giang    |                                                   | 69                      | 0         | 33                                                                      | 36                                                                      | 48  | 69                                                  | 0       |                     |
| III | Đăng ký kết hôn         | Đã kết nối                                        |                         |           |                                                                         |                                                                         |     |                                                     |         |                     |
| 1   | UBND Thành phố Hưng Yên |                                                   | 32                      | 0         | 32                                                                      | 0                                                                       | 100 | 32                                                  | 0       |                     |
| 2   | UBND Huyện Tiên Lữ      |                                                   | 20                      | 0         | 20                                                                      | 0                                                                       | 100 | 20                                                  | 0       |                     |
| 3   | UBND Huyện Yên Mỹ       |                                                   | 48                      | 6         | 42                                                                      | 0                                                                       | 88  | 48                                                  | 0       |                     |
| 4   | UBND Huyện Phù Cù       |                                                   | 22                      | 0         | 22                                                                      | 0                                                                       | 100 | 0                                                   | 0       |                     |
| 5   | UBND Huyện Văn Giang    |                                                   | 25                      | 0         | 25                                                                      | 0                                                                       | 100 | 21                                                  | 0       |                     |
| 6   | UBND Thị xã Mỹ Hào      |                                                   | 28                      | 0         | 28                                                                      | 0                                                                       | 100 | 28                                                  | 0       |                     |
| 7   | UBND Huyện Ân Thi       |                                                   | 57                      | 0         | 57                                                                      | 0                                                                       | 100 | 57                                                  | 0       |                     |
| 8   | UBND Huyện Kim Động     |                                                   | 28                      | 0         | 28                                                                      | 0                                                                       | 100 | 28                                                  | 0       |                     |

| STT | Dịch vụ công trực tuyến   | Kết nối với Cổng DVCQG (đã kết nối, chưa kết nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |           |                                                                         |                                                                         |                                   | Tình hình xử lý hồ sơ (gồm trực tiếp và trực tuyến) |         | Khó khăn, vướng mắc |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|---------------------|
|     |                           |                                                   | Tổng số                 | Trực tiếp | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) | Trực tuyến (Dịch vụ công liên thông đối với đăng ký khai sinh, khai tử) | Tỷ lệ trực tuyến trên tổng số (%) | Đúng hạn                                            | Quá hạn |                     |
| 9   | UBND Huyện Khoái Châu     |                                                   | 37                      | 0         | 37                                                                      | 0                                                                       | 100                               | 37                                                  | 0       |                     |
| 10  | UBND Huyện Văn Lâm        |                                                   | 34                      | 0         | 34                                                                      | 0                                                                       | 100                               | 34                                                  | 0       |                     |
| IV  | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp | Đã kết nối                                        | 1206                    | 724       | 482                                                                     | 0                                                                       | 40                                | 5                                                   | 17      |                     |

**\* Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện 02 TTHC liên thông theo Nghị định 63/2024/NĐ-CP:**

- Kết nối chưa thông suốt giữa việc gửi nhận hồ sơ từ Phần mềm dịch vụ công liên thông tới Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch; thường xuyên không nhận được hồ sơ liên thông qua Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch (trục của Bộ Tư pháp hay bị lỗi không gọi được API kết nối); đôi khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị lỗi xác thực dẫn đến việc chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, làm cho công dân bức xúc. Trong khi đó 02 TTHC này đều có thời gian giải quyết ngắn (trong ngày làm việc)

- Kết nối giữa 3 cơ sở dữ liệu của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bảo hiểm xã hội Việt Nam thường xuyên bị lỗi (xảy ra tình trạng hồ sơ giải quyết xong bên Tư pháp nhưng gửi sang Công an hoặc Bảo hiểm xã hội đều không nhận được). Do đó công dân phải thực hiện đơn các thủ tục này; trong khi đó một số cơ quan (Công an cấp xã, BHXH cấp huyện) từ chối tiếp nhận trực tiếp các hồ sơ này mà yêu cầu công dân phải thực hiện liên thông).

- Việc đăng nhập và nộp hồ sơ qua tài khoản VNeID còn nhiều hạn chế (vẫn còn công dân chưa có tài khoản VNeID mức độ 1,2; VNeID bị lỗi đăng nhập, khó kết nối, truy cập app VNeID, gửi tin nhắn OTP về điện thoại bị chậm,....)

**\* Đề xuất, kiến nghị:** Đề nghị Tổ công tác Đề án 06 tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, khắc phục những vướng mắc nêu trên./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, VP

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thế Tiệm